



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 79

Ngày 15 tháng 12 năm 2014

## MỤC LỤC

Trang

### **PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 21-11-2014 - Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 25-11-2014 - Quyết định số 40/2014/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố. 16
- 26-11-2014 - Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 18

- 26-11-2014 - Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh. 27

## **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 11-11-2014 - Quyết định số 5544/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 41
- 18-11-2014 - Quyết định số 5671/QĐ-UBND về thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 47
- 20-11-2014 - Quyết định số 5695/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các Trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 49
- 21-11-2014 - Quyết định số 5715/QĐ-UBND ban hành Quy chế thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ vào làm việc tại 4 đơn vị: Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán và Trung tâm Công nghệ Sinh học. 64

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

- 17-11-2014 - Quyết định số 3563/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 73

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 21/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2004 và Thông tư số 09/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành và sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định phạm vi trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 20/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 và Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2012 và Thông tư số 44/2013/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu cao tốc theo tuyến vận tải đường thủy cố định giữa các cảng, bến thuộc nội thủy Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông;

Căn cứ Thông tư số 61/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3727/TTr-SGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2014, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5475/STP-VB ngày 06 tháng 10 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

#### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp quản lý hoạt động của phương tiện thủy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật hiện hành về giao thông hàng hải và giao thông đường thủy nội địa.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý chuyên ngành giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải hoặc có hoạt động vận tải liên quan đến lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; bao gồm:

- Về hình thức hoạt động: Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, vận tải hành khách du lịch, vận tải khách ngang sông, phà, cập mạn (đò mạn), vận tải hành khách - hàng hóa và vận tải qua biên giới.

- Về phương tiện hoạt động: Tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có gắn động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên các tuyến đường thủy; tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi.

##### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời, chặt chẽ, thống nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý, kiểm tra, xử lý đối với hoạt động của phương tiện thủy.

2. Thực hiện phối hợp theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan; bảo đảm kết quả phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, đạt hiệu quả và thời gian yêu cầu. Việc phối hợp giữa các cơ quan không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mỗi cơ quan tham gia.

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

#### **Điều 4. Phương thức phối hợp**

Tùy theo tính chất công việc, có thể áp dụng một hoặc một số phương thức phối hợp như sau: Thông tin trực tiếp bằng điện thoại; lấy ý kiến bằng văn bản; yêu cầu cung cấp thông tin; tổ chức cuộc họp; tổ chức khảo sát, điều tra; thanh tra, kiểm tra; tổ chức đoàn liên ngành; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp và thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì**

1. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp quản lý và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; theo đó xác định cụ thể nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm phối hợp kiểm tra của từng cơ quan bảo đảm không bỏ trống hoặc trùng lặp, chồng chéo; gửi thông báo đầy đủ kế hoạch kiểm tra cho các cơ quan phối hợp, đối tượng được kiểm tra và báo cáo cấp trên trực tiếp chỉ đạo.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì ban hành quyết định thành lập tổ chức phối hợp kiểm tra; tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp, đôn đốc việc thực hiện phối hợp đã được phân công đối với mỗi cơ quan liên quan; thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình công việc của cán bộ được cử tham gia.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác cho công tác phối hợp.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân Thành phố; chịu trách nhiệm về tiến độ công tác kiểm tra và tính chính xác của các báo cáo.

### **Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp**

1. Tham gia các hoạt động phối hợp; được phép từ chối tham gia nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan mình.

2. Cử cán bộ đúng thành phần, thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ tham gia phối hợp.

3. Cung cấp thông tin, góp ý về chuyên ngành quản lý và chịu trách nhiệm theo chức năng quản lý; nội dung thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ và kịp thời.

4. Tham gia góp ý về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về tính nhất quán, chất lượng của các ý kiến trong hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

5. Được quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp.

### **Điều 7. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền trưởng hoặc người điều khiển phương tiện tham gia hoạt động vận tải**

1. Chủ phương tiện, thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông hàng hải và giao thông đường thủy nội địa, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 3 của Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT; Điều 19 của Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT và Điều 15 của Thông tư số 21/2011/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.

3. Thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại các Điều 2, 4 và 12 của Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT; Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 09/2012/TT-BGTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của



Quyết định số 28/2004/QĐ-BGTVT; các Điều 19 và 20 của Thông tư số 25/2010/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải và Điều 8 của Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **Chương III**

## **CÔNG TÁC TỔ CHỨC PHỐI HỢP QUẢN LÝ**

#### **Điều 8. Hoạt động giao thông vận tải**

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách, khách du lịch trên phương tiện thủy, nhà hàng nổi, khách sạn nổi; hoạt động trên các tuyến đường thủy cố định hoặc hợp đồng chuyên lưu thông trên các tuyến hàng hải và đường thủy nội địa quốc gia theo quy định của pháp luật (trừ các trường hợp tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

2. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý các hoạt động kinh doanh lưu trú du lịch, lữ hành du lịch, các hoạt động kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật và các dịch vụ phục vụ khách du lịch bằng phương tiện thủy, nhà hàng nổi, khách sạn nổi; tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho thuyền viên, người điều khiển phương tiện làm việc trên các phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch, nhà hàng nổi, khách sạn nổi; kiểm tra xử lý vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch của thuyền viên và tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Đề nghị Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III và Chi Cục Đăng kiểm số 6 thực hiện công tác quản lý hoạt động vận tải bằng phương tiện thủy theo quy định của pháp luật có liên quan trên địa bàn Thành phố.

4. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng Thành phố (khu vực biên giới biển), Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan khi cần thiết.

#### **Điều 9. Hoạt động vận tải tại các bến khách ngang sông**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, quản lý hoạt động của phương tiện vận tải hành khách tại bến khách ngang sông được phân cấp quản lý trên địa bàn mình phụ trách theo quy định hiện hành.

b) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan trên địa bàn mình quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý, cứu nạn cứu hộ các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy (nếu có) đối với phương tiện thủy nội địa theo thẩm quyền quy định.

c) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm các quy định điều kiện an toàn hoạt động của phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người đã được ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan liên quan thường xuyên tăng cường kiểm tra, chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và chủ bến thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành về phòng cháy và chữa cháy tại các bến khách ngang sông: Chủ động xây dựng và tổ chức hoạt động phòng cháy chữa cháy tại chỗ; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy, thường trực sẵn sàng chữa cháy; xây dựng và tổ chức thực tập chữa cháy, cứu hộ cứu nạn theo phương án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn kiểm tra bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy, phương tiện cứu người phù hợp với chức năng, đặc điểm của cơ sở; bảo đảm về số lượng, chất lượng và tính năng hoạt động theo quy định.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 10. Công tác thanh tra, tuần tra, kiểm soát**

1. Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn giao thông đường thủy nội địa theo quy định; chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác điều tra, xử lý tai nạn giao thông đường thủy; thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tai nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố.

2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hoạt động vận tải đường thủy nội địa: Sai phạm về thuyền viên, người điều khiển phương tiện; sai phạm về đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện và sai phạm về phương tiện tham gia thi công công trình trên đường thủy nội địa.

3. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố thực hiện công tác kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy định kỳ và đột xuất phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 11. Quản lý về an ninh trật tự, an toàn xã hội**

1. Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an ninh trật tự và an toàn xã hội đối với hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa trên đường thủy nội địa. Quản lý việc đăng ký lưu trú trên phương tiện thủy đối với khách du lịch; quản lý người nước ngoài cư trú, làm việc, hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa.

2. Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các thủ tục xuất nhập cảnh, thị thực, cấp giấy phép xuống tàu nước ngoài và chuyển cảng cho phương tiện thủy qua cửa khẩu cảng Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định; cấp giấy phép cập mạn cho phương tiện trong nước lưu thông, cập mạn trong khu vực tàu nước ngoài neo đậu; giám sát khu vực, tuần tra kiểm soát cơ động.

Đối với khu vực biên giới biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Chỉ huy Bộ Đội biên phòng Thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp phối hợp với Công an Thành phố thực hiện quản lý địa bàn, giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội trên đường thủy nội địa; đồng thời chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuần tra kiểm soát trên sông, cửa lạch, kiểm tra các phương tiện thủy chở khách, hàng hóa trên địa bàn và từ các địa phương khác đến Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm quản lý an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn liên quan đến hoạt động của phương tiện thủy theo quy định.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

## **Điều 12. Công tác phòng cháy, chữa cháy**

### **1. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố:**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy; tổ chức kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại các cảng, bến và trên phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho thuyền viên, người điều khiển phương tiện làm việc trên các phương tiện thủy nội địa. Lập hồ sơ quản lý, theo dõi về công tác phòng cháy, chữa cháy của các phương tiện thủy, đặc biệt là các phương tiện có sức chở cho phép từ 50 người trở lên.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện thủy tham gia giao thông trên địa bàn Thành phố:

- Phương tiện thủy có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy như tàu thủy chuyên dùng vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng dầu, chất lỏng dễ cháy khác, khí cháy, vật liệu nổ, hoá chất có nguy cơ cháy, nổ, nhà hàng nổi, khách sạn nổi phải được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy khi đóng mới hoặc hoán cải và cơ quan đăng kiểm chỉ cấp chứng chỉ đăng kiểm sau khi Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố xác nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

- Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với phương tiện thủy theo quy định hiện hành; hướng dẫn các chủ phương tiện thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy;

- Hướng dẫn các chủ bến xây dựng các quy định, quy trình thực hiện phòng cháy và chữa cháy trong quá trình xuất nhập hàng hóa có nguy cơ gây cháy nổ, quy định về đón trả khách và quy định, quy trình về phòng cháy, chữa cháy khi xảy ra cháy, nổ trong khu vực bến cảng, bến tàu, bến phà; cơ chế phối hợp giữa chủ phương tiện và đơn vị quản lý bến cảng, bến tàu, bến phà trong xử lý các tình huống cháy, nổ; các điều kiện về cứu nạn, cứu hộ, thực hiện các quy định về vận chuyển hàng có nguy cơ gây cháy, nổ.

2. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quy định hiện hành về công tác phòng cháy và chữa cháy theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 13. Công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**

1. Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa tham gia vận tải hành khách thuộc phạm vi trách nhiệm; trọng tâm là các phương tiện thủy chở khách ngang sông, đưa rước hành khách. Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng về các phương tiện thủy vận tải hành khách trên địa bàn Thành phố đã hết hạn đăng kiểm thuộc trách nhiệm của cơ quan mình.

2. Đề nghị Chi cục Đăng kiểm số 6 thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy theo quy định của pháp luật có liên quan. Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải về các phương tiện vận tải hành khách trên địa bàn Thành phố đã hết hạn đăng kiểm thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 14. Công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

1. Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố là cơ quan thường trực, trực tiếp chỉ huy điều hành các lực lượng chức năng của Thành phố đến phối hợp với lực lượng địa phương tại chỗ trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố chủ trì là cơ quan chỉ huy, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển thuộc địa bàn Thành phố và trên các tuyến sông thuộc khu vực biên giới biển.

Đối với các sự cố, tai nạn trên biển và vùng biển thuộc địa bàn các tỉnh giáp ranh Thành phố do cơ quan Trung ương chủ trì, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố là cơ quan đầu mối, chỉ huy các lực lượng của Thành phố trong công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, kênh, rạch, hồ thuộc địa bàn Thành phố.

4. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý vụ việc tai nạn trên tuyến hàng hải, trong phạm vi vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

5. Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị nạn trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

7. Trong trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền thì lãnh đạo các đơn vị chủ trì, chỉ huy nói trên báo cáo đề xuất cho Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố xem xét, chỉ đạo.

### **Điều 15. Công tác tuyên truyền**

1. Ban An toàn giao thông Thành phố chủ trì, phối hợp các sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan có liên quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải và đường thủy nội địa về phòng cháy chữa cháy, về phòng, chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn, về an toàn vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải và đường thủy nội địa, về phòng cháy, chữa cháy, về phòng, chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn, về an toàn vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm và

địa bàn quản lý; chú trọng tuyên truyền giáo dục cho đội ngũ thuyền viên, người điều khiển phương tiện thủy.

## **Chương IV** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 16. Công tác báo cáo**

1. Định kỳ hàng quý, các sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 25 của tháng cuối quý**, đồng gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải định kỳ hàng năm tổ chức giao ban với các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ đối với hoạt động quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Sở Giao thông vận tải là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì khó khăn, vướng mắc, các sở - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Giao thông vận tải thống nhất xem xét đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Chương trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2377/TTr.SNN-PTNT ngày 07 tháng 11 năm 2014; và thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5995/STP-VB ngày 29 tháng 10 năm 2014,



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung cụm từ “lãi suất theo Khoản 2 Điều 4 Quy định này” tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 và Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 6 thành “lãi suất theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Quy định này”.

2. Bổ sung Mục VIa Phụ lục I về Danh mục đối tượng, địa bàn, thời gian hỗ trợ lãi vay chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị giai đoạn 2013 - 2015 như sau:

**“VIa. NGÀNH NGHỀ KHÁC**

1. Nghề sản xuất tiểu cảnh, hòn non bộ tại các quận - huyện có sản xuất nông nghiệp.

2. Nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận”.

3. Điều chỉnh thời gian hỗ trợ lãi vay (đầu tư mua giống, vật tư, thức ăn, nhiên liệu và trả công lao động) quy định tại Mục VII Phụ lục 1 đối với cây hoa kiểng gồm hoa lan, bonsai, hoa mai và cây ăn trái là theo chu kỳ sản xuất, nhưng không quá 5 (năm) năm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Kho bạc Nhà nước Thành phố; Chủ tịch Hội Nông dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện - quận có sản xuất nông nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Liêm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về Chương trình huy động vốn,  
cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ công tác giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn Ngân sách nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 10075/STC-ĐTSC ngày 07 tháng 11 năm 2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 5689/STP-VB ngày 13 tháng 10 năm 2014,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố và các tổ chức tín dụng đã đăng ký tham gia chương trình, Chủ đầu tư các dự án xây dựng trường mầm non công lập và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**về Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng  
trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định trình tự, thủ tục việc huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các dự án đầu tư xây dựng trường mầm non công lập đảm bảo phù hợp quy hoạch được duyệt, được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chủ trương đầu tư, đã có sẵn đất sạch hoặc đã thực hiện xong bồi thường giải phóng mặt bằng để đủ điều kiện khởi công thực hiện ngay và được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận thực hiện theo Chương trình huy động vốn, cho vay đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **Điều 3. Nguồn vốn thực hiện**

Vay vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố và các tổ chức tín dụng đăng ký tham gia Chương trình huy động vốn đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Hàng năm ngân sách Thành phố sẽ bố trí kế hoạch vốn cho chủ đầu tư theo từng dự án cụ thể để trả nợ gốc và lãi vay.

### **Chương II CƠ CHẾ THỰC HIỆN**

#### **Điều 4. Chủ thể vay vốn, chủ đầu tư dự án**

Chủ thể vay vốn đồng thời là chủ đầu tư của các dự án đầu tư xây dựng trường mầm non công lập là Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình các quận, huyện.

#### **Điều 5. Tổ chức tín dụng, Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước cho vay vốn**

Các tổ chức tín dụng, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố đăng ký với Sở Tài chính hạn mức vốn cho vay và cam kết chấp hành đầy đủ các điều kiện của Chương trình huy động vốn đầu tư xây dựng trường mầm non công lập (thời hạn cho vay, lãi suất...); trên cơ sở đó Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ danh mục công trình vay vốn cụ thể cho từng tổ chức tín dụng, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố.

#### **Điều 6. Trình tự thủ tục đầu tư xây dựng**

1. Trình tự thủ tục đầu tư xây dựng các dự án trường mầm non công lập theo Chương trình này thực hiện tương tự như các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện phê duyệt, điều chỉnh Quyết định đầu tư các dự án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại khoản 1 Công văn số 1346/UBND-ĐT ngày 29 tháng 3 năm 2014 về thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án xây dựng trường mầm non sử dụng vốn ngân sách thành phố; ghi rõ nguồn vốn thực hiện dự án là từ vốn vay theo Chương trình huy động vốn đầu tư xây dựng trường mầm non công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân sách thành phố bố trí kế hoạch vốn để trả nợ gốc và lãi vay.

Lưu ý: tổng mức đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí dự tính của dự án được xác định theo quy định hiện hành và toàn bộ số tiền lãi vay phát sinh trong thời gian vay của hợp đồng tín dụng để thực hiện dự án.

#### **Điều 7. Thời hạn vay, mức vốn vay, lãi suất vay vốn**

1. Thời hạn vay: tối đa 08 năm/dự án, trong đó thời gian bắt đầu trả nợ gốc và lãi vay là thời gian công trình hoàn thành nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.

2. Mức vốn vay: tối đa trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lãi suất vay vốn: theo nguyên tắc bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại trả sau) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) cộng phí quản lý không quá 02%/năm, nhưng tối đa không quá mức lãi suất huy động tiền đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng bình quân của 04 ngân hàng

thương mại trên địa bàn Thành phố (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng phí quản lý 2%/năm.

- Kỳ điều chỉnh lãi suất: 06 tháng/lần.

### **Điều 8. Trình tự giải ngân vốn vay**

1. Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, chủ thể vay vốn (Bên vay) lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan Kho bạc nhà nước để kiểm soát, xác nhận giá trị khối lượng thực hiện. Hồ sơ, thủ tục như dự án sử dụng vốn ngân sách.

2. Trên cơ sở xác nhận của cơ quan Kho bạc nhà nước, chủ thể vay vốn làm việc với Công ty Đầu tư tài chính nhà nước Thành phố hoặc các tổ chức tín dụng cho vay vốn (gọi tắt là Bên cho vay) để được giải ngân đầy đủ, kịp thời theo điều kiện hợp đồng đã ký và tiến độ thực hiện dự án.

### **Điều 9. Trả nợ gốc và lãi vay**

1. Sau khi công trình hoàn thành nghiệm thu, bàn giao: chủ thể vay vốn phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện làm việc với Bên cho vay thống nhất số vốn vay đã được giải ngân để lập lịch trả nợ vay của dự án bao gồm số vốn vay đã giải ngân và lãi vay phải trả trong suốt thời gian vay vốn; nợ gốc được chia đều theo số năm trả nợ vay. Lịch trả nợ được gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để bố trí kế hoạch vốn làm cơ sở để cơ quan Kho bạc nhà nước giải ngân.

2. Hàng năm, chủ đầu tư căn cứ lịch trả nợ gốc và lãi vay của dự án báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận huyện đăng ký kế hoạch vốn với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

3. Thời hạn trả nợ gốc và lãi vay: định kỳ 02 lần/năm, trong khoảng thời gian 05 ngày làm việc đầu tháng 03 (lần thứ 1) và tháng 9 (lần thứ 2) hàng năm.

### **Điều 10. Quyết toán dự án hoàn thành**

1. Sau khi dự án hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng chủ đầu tư quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính như dự án sử dụng vốn ngân sách, bao gồm toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình

đầu tư để đưa dự án vào khai thác, sử dụng và số tiền lãi vay trong thời gian thi công công trình.

2. Sau khi hoàn thành việc trả nợ gốc và lãi vay của dự án: chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp số tiền lãi vay và số tiền nợ gốc đã được ngân sách bố trí kế hoạch vốn hàng năm trả cho Bên cho vay, báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện để kiểm tra, rà soát, xác nhận tổng số tiền lãi và nợ gốc đã trả cho Bên cho vay, gửi cơ quan tài chính để quyết toán bổ sung phần lãi vay vào dự án, làm cơ sở cho đơn vị tiếp nhận tài sản ghi tăng tài sản cố định theo quy định.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC SỞ - BAN - NGÀNH VÀ CÁC ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 11. Trách nhiệm Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận, huyện** (chủ thể vay vốn đồng thời chủ đầu tư của các dự án): cam kết và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt trong dự án đầu tư; tổ chức quản lý dự án và quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính; tính toán nhu cầu vốn trả nợ gốc và lãi vay hàng năm gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Phê duyệt, điều chỉnh Quyết định đầu tư các dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ đã được phê duyệt. Trường hợp thời gian thực hiện dự án kéo dài hơn so với thời gian ân hạn của Bên cho vay thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình theo dõi tiến độ thực hiện dự án, cập nhật số vốn vay đã giải ngân, lãi vay phát sinh, đối chiếu và xác nhận với Bên vay và Bên cho vay, tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện để báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kiểm tra, rà soát trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kế hoạch vốn trả nợ gốc, lãi vay và quyết toán về sau.

4. Tổ chức thực hiện quyết toán dự án hoàn thành theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

**Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo**

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về nhu cầu đầu tư các trường mầm non công lập trên địa bàn.

2. Làm việc với Ủy ban nhân dân các quận huyện để rà soát quy hoạch, phân bổ, bố trí trường mầm non đúng theo quy hoạch của ngành.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Danh mục các dự án xã hội hóa xây dựng trường mầm non thực hiện tại các quận huyện đạt ít nhất 30% và tại các khu công nghiệp, khu chế xuất đạt ít nhất 70% tổng số trường theo quy hoạch.

b) Danh mục dự án trường mầm non đã và đang thực hiện, số dự án thuộc nhiệm vụ ngân sách phải đầu tư theo quy hoạch để xem xét bổ sung vào Chương trình.

c) Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng Trường mầm non thực hiện theo Chương trình này.

d) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân quận huyện kiểm tra, rà soát khối lượng thực tế thực hiện, bố trí kế hoạch vốn hàng năm cho Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình để trả nợ gốc và lãi vay cho Bên cho vay.

**Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan Kho bạc nhà nước**

1. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của Chủ đầu tư, cơ quan Kho bạc nhà nước kiểm tra, xác nhận giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành đủ điều kiện thanh toán như đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước để Chủ đầu tư làm việc với Bên cho vay giải ngân vốn vay.

2. Căn cứ kế hoạch vốn trả nợ gốc và lãi vay được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và lịch trả nợ của dự án, cơ quan Kho bạc nhà nước kiểm soát thanh toán nợ cho Bên cho vay.

3. Sau khi hoàn thành việc trả nợ gốc và lãi vay của dự án, căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án, cơ quan Kho bạc nhà nước thực hiện tất toán tài khoản của dự án theo quy định.

**Điều 15. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

1. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện: theo



đôi, đơn đốc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận thực hiện theo Chương trình này; kiểm tra, rà soát khối lượng thực tế thực hiện; tổng hợp nhu cầu vốn trả nợ gốc và lãi vay định kỳ phối hợp Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kế hoạch vốn trả nợ và lãi vay.

2. Hướng dẫn các chủ đầu tư lập và điều chỉnh dự án theo quy định của Chương trình này, trong đó, tổng mức đầu tư phải bao gồm toàn bộ chi phí dự tính của dự án được xác định theo quy định hiện hành và toàn bộ số tiền lãi vay phát sinh trong thời gian vay của hợp đồng tín dụng để thực hiện dự án.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra, rà soát tổng số tiền lãi và nợ gốc trả cho Bên cho vay; cân đối nguồn, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kế hoạch vốn cho các dự án để trả nợ gốc và lãi vay theo định kỳ.

2. Hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra công tác quyết toán dự án hoàn thành.

3. Phối hợp với Kho bạc nhà nước Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư làm việc với các Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện và Bên cho vay để thống nhất xây dựng mẫu hợp đồng vay vốn, quy trình xử lý hồ sơ (thời gian giải quyết của Chủ đầu tư, cơ quan Kho bạc nhà nước, Bên cho vay...) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giải ngân và theo dõi thực hiện dự án.

4. Định kỳ, trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại trả sau) của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) công bố, Sở Tài chính điều chỉnh lãi suất vay vốn theo nguyên tắc đã nêu tại Khoản 3 Điều 7 Quyết định này và các nội dung thỏa thuận với Bên cho vay.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố và các tổ chức tín dụng cho vay vốn**

1. Phải thực hiện đúng quy định của Chương trình huy động vốn đầu tư xây dựng trường mầm non công lập được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Đảm bảo nguồn vốn để cho vay và kịp thời giải ngân vốn vay để thanh toán theo tiến độ thực hiện dự án; cung cấp tài liệu và báo cáo (khi có yêu cầu) cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở - ban - ngành theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường mầm non công lập được phê duyệt theo đúng quy định tại Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn cần tháo gỡ, các đơn vị báo cáo đề xuất gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2014/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng  
truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước  
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành giá cước sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2011/TT-BTTTT ngày 11 tháng 8 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm

an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 32/TTr-STTTT ngày 04 tháng 11 năm 2014 về phê duyệt Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh; và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5574/STP-VB ngày 08 tháng 10 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh,

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng  
dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về việc quản lý, vận hành, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh là hệ thống mạng băng rộng với đường truyền tốc độ cao, sử dụng phương thức chuyển mạch đa giao thức trên nền IP (IP/MPLS) nhằm liên thông kết nối đến các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh, thành phố trên toàn quốc (sau đây gọi là Mạng chuyên dùng).

2. Mạng chuyên dùng là hệ thống mạng dùng riêng phục vụ cho công tác quản lý của các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và phục vụ cho công tác điều hành, quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố. Ngoài ra, Mạng chuyên dùng còn phục vụ cho việc liên thông kết nối với các tỉnh, thành phố và các cơ quan Chính

phủ để trao đổi, báo cáo công việc, tiếp nhận các văn bản chỉ đạo và vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin liên thông trên cả nước.

3. Sở Thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Mạng chuyên dùng nhằm tham mưu và thông tin kịp thời cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác điều hành, quản lý Mạng chuyên dùng.

4. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị trực tiếp quản lý và giám sát về kỹ thuật các hoạt động của Mạng chuyên dùng.

5. Văn bản mật là văn bản có nội dung bí mật nhà nước được đóng dấu độ mật (Tuyệt mật, Tối mật hoặc Mật) theo quy định tại Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

6. Mạng riêng ảo (Virtual Private Network - VPN) là dịch vụ mạng dùng riêng để kết nối máy tính của các cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân vào Mạng chuyên dùng thông qua mạng công cộng nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên đường truyền. Dịch vụ này dùng để cung cấp cho các đơn vị, tổ chức có nhu cầu sử dụng đường truyền thấp, không liên tục và chưa được triển khai đường truyền.

#### **Điều 4. Quy hoạch Mạng chuyên dùng**

1. Mạng chuyên dùng gồm 2 loại đường truyền:

a) Đường truyền MegaWan dựa trên mô hình cáp quang đối với băng thông từ 1Mbps đến 4Mbps. Dịch vụ này dùng để cung cấp cho các phường - xã, thị trấn và các đơn vị có nhu cầu sử dụng đường truyền thấp.

b) Đường truyền MetroNet dựa trên mô hình đường truyền cáp quang, tốc độ băng thông tối thiểu là 8Mbps đến 100Mbps. Dịch vụ này dùng để cung cấp cho các đơn vị, tổ chức có mô hình hoạt động lớn, có nhu cầu sử dụng đường truyền cao như: Ủy ban nhân dân Thành phố, các Sở, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Mạng chuyên dùng được phân hoạch và quản lý địa chỉ IP tập trung tại Trung tâm dữ liệu Thành phố. Vùng địa chỉ IP của Mạng chuyên dùng được phân hoạch từ 10.188.0.0/16 đến 10.200.0.0/16.

### **Chương II**

## **QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG MẠNG CHUYÊN DÙNG**

**Điều 5. Nguyên tắc về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng**

1. Mạng chuyên dùng được quản lý và điều hành tập trung tại Trung tâm điều hành mạng Thành phố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục 24/24.

2. Mục tiêu khai thác và sử dụng Mạng chuyên dùng:

a) Liên thông, kết nối giữa các cơ quan nhà nước với nhau và giữa các phòng ban, đơn vị trực thuộc trong cơ quan nhà nước nhằm phục vụ cho chính quyền điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Cung cấp hạ tầng dùng chung cho việc triển khai, vận hành các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chính quyền điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Quy hoạch và quản lý tập trung các điểm kết nối tại các cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo tính đồng bộ và an toàn bảo mật cho đường truyền.

3. Việc đăng ký và sử dụng Mạng chuyên dùng phải tuân thủ theo Quy trình vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Mạng chuyên dùng phải được khai thác, sử dụng hiệu quả và tuân theo các quy định tại Quy chế này.

5. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng cho đường truyền trong quá trình vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng.

6. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng:

a) Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước được truyền tải trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên Mạng chuyên dùng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin và lưu trữ thông tin.

c) Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên Mạng chuyên dùng phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước tại đơn vị.

## **Điều 6. Quy trình quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng**

1. Quy trình đăng ký, thay đổi hoặc hủy dịch vụ liên quan đến Mạng chuyên dùng: đăng ký đường truyền, đăng ký Mạng riêng ảo.

a) Các cơ quan, đơn vị gửi văn bản cho Sở Thông tin và Truyền thông để đăng ký thay đổi hoặc hủy các dịch vụ liên quan đến Mạng chuyên dùng. Văn bản phải nêu

rõ các thông tin sau: nhu cầu và mục đích sử dụng, số lượng và địa chỉ đơn vị cần triển khai, thông tin người liên hệ.

b) Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xem xét và gửi văn bản cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để tiến hành triển khai đường truyền hoặc dịch vụ cho cơ quan, đơn vị trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản.

- Trường hợp không đồng ý với đề nghị của đơn vị hoặc cần cung cấp thêm thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ gửi văn bản trả lời cho cơ quan, đơn vị hoặc đề nghị cơ quan, đơn vị bổ sung những thông tin cần thiết.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông sẽ liên hệ với đơn vị để triển khai đường truyền hoặc dịch vụ Mạng chuyên dùng trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận được văn bản của Sở Thông tin và Truyền thông.

## 2. Quy trình thông báo và tiếp nhận sự cố Mạng chuyên dùng

a) Khi có sự cố xảy ra trong hệ thống (mất tín hiệu, không kết nối được, đường truyền chậm, đường truyền không ổn định), các cơ quan, đơn vị cần thông báo sự cố qua Tổng đài tiếp nhận sự cố của Thành phố, số điện thoại 38.233.717 - 111.

b) Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (đơn vị quản lý Tổng đài tiếp nhận sự cố) ghi nhận tình hình sự cố ngay khi các cơ quan, đơn vị thông báo và tiến hành kiểm tra nguyên nhân sự cố trong vòng 15 phút.

c) Sau khi xác định nguyên nhân sự cố, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải thông báo với đơn vị theo quy trình tại Khoản 4, Điều này.

d) Nếu sau 15 phút, các đơn vị chưa nhận được thông tin phản hồi từ Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thì trực tiếp thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để được xử lý kịp thời.

## 3. Quy trình xử lý sự cố Mạng chuyên dùng

Sau khi phân tích và tìm hiểu nguyên nhân sự cố, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải xử lý theo các bước sau:

a) Đối với sự cố đơn giản, thời gian xử lý dưới 15 phút:

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phối hợp với các đơn vị để khắc phục sự cố ngay và phải thông báo với đơn vị theo quy trình tại Khoản 4, Điều này.

b) Đối với sự cố tương đối phức tạp, thời gian xử lý trên 15 phút và dưới 60 phút:



- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông ngay khi xác định được nguyên nhân gây sự cố và phải thông báo với đơn vị theo quy trình tại Khoản 4, Điều này.

- Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan lên phương án xử lý sự cố trong thời gian nhanh nhất.

c) Đối với sự cố phức tạp, thời gian xử lý trên 60 phút

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông ngay khi xác định được nguyên nhân gây sự cố và phải thông báo với đơn vị theo quy trình tại Khoản 4, Điều này.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan lên phương án xử lý sự cố trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời phải báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình và diễn tiến xử lý sự cố.

4. Quy trình thông báo kết quả xử lý sự cố Mạng chuyên dùng

a) Đối với sự cố đơn giản: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phải thông báo cho đơn vị kết quả xử lý sự cố ngay khi sự cố đã được khắc phục.

b) Đối với sự cố tương đối phức tạp và phức tạp

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thông báo cho đơn vị nguyên nhân sự cố ngay khi đã xác định nguyên nhân, đồng thời hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị giải pháp xử lý tạm thời trước khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thông báo cho đơn vị ngay khi sự cố đã được khắc phục.

5. Quy trình báo cáo các sự cố Mạng chuyên dùng

a) Đối với sự cố đơn giản: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tổng hợp các sự cố và báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hàng tuần.

b) Đối với sự cố tương đối phức tạp và phức tạp

- Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thực hiện báo cáo tình hình và diễn tiến xử lý sự cố cho Sở Thông tin và Truyền thông ngay khi sự cố xảy ra và sau khi đã khắc phục sự cố.

- Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành

phổ ngay khi nhận được thông báo về sự cố và sau khi khắc phục sự cố. Ngoài ra sẽ tổng hợp báo cáo tình hình xử lý và khắc phục các sự cố định kỳ hàng tuần, hàng quý.

### **Điều 7. Quy định sử dụng dịch vụ Mạng riêng ảo (VPN)**

1. Các đơn vị đăng ký dịch vụ VPN với Sở Thông tin và Truyền thông theo Quy trình quản lý và sử dụng dịch vụ Mạng chuyên dùng.

2. Các đơn vị phải sử dụng dịch vụ VPN trong các trường hợp sau:

a) Đường truyền MetroNet, MegaWan tại đơn vị đang gặp sự cố và đang trong thời gian chờ xử lý;

b) Phục vụ nhu cầu công việc của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân phải thường xuyên xử lý và cập nhật công việc bên ngoài trụ sở làm việc qua đường Internet;

c) Kết nối vào các hệ thống ứng dụng để quản trị, bảo trì, nâng cấp hoặc cập nhật thông tin thông qua đường truyền Mạng chuyên dùng hoặc qua đường Internet.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Tiếp nhận và trả lời văn bản của các cơ quan, đơn vị liên quan đến Mạng chuyên dùng gồm: đăng ký mới, di dời đường truyền, hủy đường truyền.

2. Điều hành và giám sát Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trong các hoạt động vận hành, duy trì Mạng chuyên dùng.

3. Triển khai, hướng dẫn các đơn vị sử dụng và khai thác Mạng chuyên dùng một cách có hiệu quả và tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

4. Chỉ đạo và giám sát các đơn vị liên quan thực hiện quy trình xử lý sự cố Mạng chuyên dùng tại Khoản 3, Điều 6 của Quy chế này.

5. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo từ các đơn vị đối với các trường hợp quản lý và vận hành Mạng chuyên dùng chưa phù hợp hoặc không đúng với quyền hạn và trách nhiệm đã được giao tại Quy chế này.

6. Thực hiện rà soát, đánh giá mức độ đáp ứng, kiểm tra tình hình vận hành và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng chuyên dùng định kỳ hàng quý.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản liên quan đến việc quản lý và sử dụng Mạng chuyên dùng.

8. Thống kê và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng cho Ủy ban nhân dân Thành phố định kỳ tháng và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên.

9. Lập dự toán kinh phí hàng năm cho Mạng chuyên dùng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông**

1. Bảo đảm các yêu cầu về dung lượng, tốc độ, chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin của Mạng chuyên dùng.

2. Xây dựng và tham mưu cho Sở Thông tin và Truyền thông các quy trình về quản lý, điều hành khai thác, cảnh báo và khắc phục sự cố, bảo dưỡng đường truyền kết nối, các chỉ tiêu chất lượng mạng và dịch vụ.

3. Theo dõi và giám sát quá trình hoạt động của Mạng chuyên dùng, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và liên tục 24/24.

4. Thiết lập và đảm bảo duy trì Tổng đài tiếp nhận sự cố Mạng chuyên dùng hoạt động 24/24.

5. Xác định quyền hạn và trách nhiệm các đơn vị quản lý hệ thống Mạng chuyên dùng và đơn vị cung cấp hạ tầng trong hợp đồng cung cấp dịch vụ. Trong đó, quy định rõ nghĩa vụ của các bên phải tuân thủ pháp luật và các quy định đảm bảo an ninh thông tin cho hệ thống.

6. Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm đã quy định trong Quy trình quản lý sự cố Mạng chuyên dùng tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 6 của Quy chế này.

7. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông nếu không thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm đã được giao.

8. Hàng năm kiểm tra, khảo sát chất lượng, tốc độ đường truyền nhằm đảm bảo chất lượng dịch vụ cao nhất phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của Thành phố.

9. Tham mưu cho Sở Thông tin và Truyền thông các giải pháp, biện pháp cần thiết để ngăn chặn việc sử dụng, lợi dụng mạng lưới, thiết bị, các công cụ phần cứng, phần mềm để cản trở, gây nhiễu, gây rối loạn, làm hư hỏng, hủy hoại hoạt động của Mạng chuyên dùng.

10. Tổng hợp báo cáo tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng cho Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ 03 tháng/1 lần và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước cấp trên.

**Điều 10. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp hạ tầng đường truyền Mạng chuyên dùng**

1. Đảm bảo an toàn, an ninh đối với hạ tầng đường truyền phục vụ cho Mạng chuyên dùng.
2. Xây dựng và triển khai các quy trình, quy định, chính sách và các tiêu chuẩn đảm bảo an ninh thông tin cho cơ sở hạ tầng cung cấp cho Mạng chuyên dùng.
3. Thực hiện đầy đủ các điều khoản liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và mức độ cung cấp dịch vụ trong hợp đồng cung cấp dịch vụ Mạng chuyên dùng.
4. Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận về bảo mật thông tin, không tiết lộ thông tin và thỏa thuận mức độ cung cấp dịch vụ được trình bày trong hợp đồng cung cấp dịch vụ.
5. Phân công nhân sự chuyên phụ trách quản lý hạ tầng Mạng chuyên dùng. Xây dựng các quy định phân công nhiệm vụ và phân quyền truy cập hệ thống cho từng cá nhân.
6. Phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông và các tổ chức thứ ba có liên quan đánh giá rủi ro và đề xuất các giải pháp xử lý rủi ro.
7. Đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của Mạng chuyên dùng 24/24.
8. Tuân thủ các quy định về quản lý và cung cấp Mạng chuyên dùng do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

**Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị tham gia Mạng chuyên dùng**

1. Đảm bảo hạ tầng thiết bị đầu cuối tại đơn vị đã sẵn sàng để kết nối và sử dụng đường truyền Mạng chuyên dùng: thiết bị chuyên mạch (switch) hoặc thiết bị định tuyến (router), máy tính.
2. Thực hiện đăng ký các dịch vụ liên quan đến Mạng chuyên dùng theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.
3. Chịu trách nhiệm quản lý đường truyền và trang thiết bị đầu cuối (modem, converter) được đặt tại đơn vị.
4. Chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu truyền trên Mạng chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật.
5. Phải tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng chuyên dùng và xây dựng Quy chế nội bộ về việc sử dụng Mạng chuyên dùng.

6. Các đơn vị khi tham gia vào mạng Thành phố không được thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan, gây ảnh hưởng đến việc vận hành Mạng chuyên dùng.

7. Phối hợp và hỗ trợ Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trong quá trình vận hành, quản lý Mạng chuyên dùng.

8. Kịp thời thông tin, báo cáo các sự cố xảy ra trên Mạng chuyên dùng theo quy trình tại Khoản 2, Điều 6 của Quy chế này.

9. Trong trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông không thực hiện đúng và đủ chức năng, quyền hạn được giao, các cơ quan, đơn vị có quyền khiếu nại lên Sở Thông tin và Truyền thông để được xử lý kịp thời.

10. Trong trường hợp có kế hoạch di dời trụ sở làm việc, nâng cấp, bảo trì mạng nội bộ hoặc bắt buộc phải thay đổi hệ thống mạng tại đơn vị ảnh hưởng đến hệ thống Mạng chuyên dùng, đơn vị phải thông báo với Sở Thông tin và Truyền thông bằng văn bản trong 10 ngày làm việc để được hướng dẫn và hỗ trợ.

11. Tổng hợp và báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông định kỳ hàng năm về tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị.

### **Chương III**

## **ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN TRÊN MẠNG CHUYÊN DÙNG**

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chi đạo Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thực hiện các giải pháp an toàn an ninh thông tin theo đúng quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng chuyên dùng.

2. Thanh tra, kiểm tra và tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố để xử lý các trường hợp vi phạm quy định quản lý và sử dụng, vi phạm quy định về an toàn mạng và thông tin gây ảnh hưởng đến hạ tầng chung của Thành phố.

3. Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên Mạng chuyên dùng.

4. Thực hiện các giải pháp, biện pháp kỹ thuật để cải tiến, nâng cao khả năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống.

**Điều 13. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông**

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin cho Mạng chuyên dùng.
2. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng để bảo đảm cơ sở hạ tầng Mạng chuyên dùng hoạt động liên tục và an toàn.
3. Thường xuyên giám sát, kiểm tra đánh giá về mức độ bảo vệ an toàn mạng và thông tin trên mạng, tiến hành những biện pháp phòng tránh, khắc phục kịp thời trên Mạng chuyên dùng nhằm đảm bảo mức độ ổn định của hệ thống.
4. Tham mưu cho Sở Thông tin và Truyền thông các giải pháp, biện pháp kỹ thuật để cải tiến, nâng cao khả năng đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho hệ thống.
5. Báo cáo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông các trường hợp xảy ra sự cố đột xuất hoặc các sự cố khẩn cấp trong hệ thống để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ khắc phục sự cố.

**Điều 14. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia sử dụng Mạng chuyên dùng**

1. Phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.
2. Các đơn vị phải chịu trách nhiệm các vấn đề an toàn an ninh thông tin tại đơn vị:
  - a) Hệ thống tường lửa của đơn vị đối với Mạng chuyên dùng;
  - b) Quản lý các địa chỉ IP tĩnh và các tên miền của đơn vị;
  - c) Hệ thống mạng nội bộ giữa đơn vị với các phòng ban, đơn vị trực thuộc.
3. Chịu trách nhiệm quản lý đối với các tài khoản VPN cấp cho đơn vị hoặc cho các cá nhân thuộc đơn vị:
  - a) Bảo vệ thông tin tài khoản VPN, không chia sẻ hoặc tiết lộ tài khoản VPN ra bên ngoài;
  - b) Thường xuyên rà soát, tổng hợp và thông báo Sở Thông tin và Truyền thông đối với những thay đổi về các tài khoản VPN đã đăng ký.
4. Ban hành và quản lý các chính sách đảm bảo an toàn an ninh thông tin riêng cho đơn vị khi liên thông qua Mạng chuyên dùng.
5. Ghi nhận lại các sự cố, lỗi xảy ra tại đơn vị về đường truyền, về an toàn, bảo

mật thông tin khi kết nối vào Mạng chuyên dùng và thông báo ngay cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng.

6. Đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh đối với các tài khoản được cấp và dữ liệu, thông tin của đơn vị trên các hệ thống dùng chung.

7. Các đơn vị không được sử dụng Mạng chuyên dùng để khai thác, lưu trữ các dữ liệu, thông tin không phục vụ cho các hoạt động quản lý, điều hành và công tác chuyên môn.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành**

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong công tác quản lý, điều hành Mạng chuyên dùng;

b) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của Quy chế này cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Tổng hợp, báo cáo cho Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình khai thác, sử dụng Mạng chuyên dùng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Thành phố.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

a) Hỗ trợ và hướng dẫn các đơn vị thực hiện thủ tục đăng ký tham gia Mạng chuyên dùng;

b) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng đường truyền Mạng chuyên dùng của từng đơn vị để đảm bảo chất lượng đường truyền và tránh lãng phí khi triển khai đường truyền không hiệu quả.

### **Điều 16. Xử lý vi phạm**

Đơn vị, tổ chức tham gia Mạng chuyên dùng vi phạm Quy chế này và các quy định khác của pháp luật về sử dụng mạng máy tính thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc các hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp vi phạm gây thiệt hại đến tài sản, thiết bị, thông tin, dữ liệu dùng chung trên hệ thống mạng của Thành phố thì phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị tham gia vào Mạng chuyên dùng có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại cơ quan, đơn vị.

2. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan lập kế hoạch kinh phí hàng năm để duy trì Mạng chuyên dùng trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**



## PHẦN BẮN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5544/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2014*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7173/TNMT-KH ngày 08 tháng 10 năm 2014 và số 7762/TNMT-KH ngày 29 tháng 10 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc huyện Bình Chánh và huyện Củ Chi, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Về xác định ranh giới, diện tích và xây dựng  
cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5544/QĐ-UBND  
ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Triển khai tổ chức thực hiện việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của Thành phố đã được Chính phủ xét duyệt tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2014, với chỉ tiêu phân bổ diện tích đất trồng lúa 3.000 hécta, trong đó trên địa bàn huyện Bình Chánh (350 hécta) và huyện Củ Chi (2.650 hécta).

#### **2. Nguyên tắc và yêu cầu**

- Việc xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa được thực hiện trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã có diện tích đất trồng lúa, được tổng hợp thành cơ sở dữ liệu đất trồng lúa của huyện Bình Chánh, huyện Củ Chi và Thành phố.

- Đảm bảo phù hợp về vị trí trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất nông nghiệp của huyện và chỉ tiêu phân bổ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Thành phố.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc phối hợp và triển khai thực hiện; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN**

#### **1. Xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa**

- Tiến hành thu thập các thông tin, tài liệu được quy định tại Điều 5, Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiến hành khoanh vẽ sơ bộ lên bản đồ nền ranh giới các khu vực đất trồng lúa, đất trồng lúa nước cần bảo vệ, đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt (sau đây gọi tắt là đất trồng lúa).

- Xác định ranh giới ngoài thực địa.
- Xác định và tổng hợp ranh giới diện tích đất trồng lúa.
- Tổng hợp dữ liệu về ranh giới, diện tích đất trồng lúa.
- Tổ chức kiểm tra, lập biên bản xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

- Phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

- Công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

- Quản lý ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

## **2. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa**

- Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

## **III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi tập huấn, hướng dẫn cho Ủy ban nhân dân xã có diện tích đất trồng lúa thực hiện việc xác định ranh giới, diện tích và xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa theo quy định. *Thời gian thực hiện trước ngày 20 tháng 11 năm 2014.*

- Phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi thực hiện:

+ Hỗ trợ, cung cấp thông tin, tài liệu được quy định tại Điều 5, Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho Ủy ban nhân dân các xã có diện tích đất trồng lúa. *Thời gian hoàn thành đến ngày 25 tháng 11 năm 2014.*

+ Tổ chức kiểm tra, lập biên bản xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa.

- Tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong trường hợp tổng diện tích đất trồng lúa không khớp với số liệu thống kê, kiểm kê và diện tích đất trồng lúa theo chỉ tiêu phân bổ của quy hoạch sử dụng đất cấp trên trực tiếp.

- Công bố công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố thực hiện:

+ Tiếp nhận, quản lý kết quả việc xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi. *Thời gian hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.*

+ Xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa theo quy định.

+ Cập nhật dữ liệu đất trồng lúa khi có biến động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Hàng năm tổ chức kiểm tra định kỳ 06 tháng 01 lần việc xây dựng, cập nhật dữ liệu đất trồng lúa và báo cáo Tổng cục Quản lý đất đai trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

- Theo dõi quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

## **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã có diện tích đất trồng lúa, xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa ngoài thực địa.

**3. Sở Tài chính** Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi xem xét, đề xuất kinh phí thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Thời gian thực hiện trước ngày 30 tháng 11 năm 2014.*

## **4. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi**

- Đôn đốc, theo dõi và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa, xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa trên địa bàn theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, lập biên bản xác nhận kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa. *Thời gian hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.*

- Phê duyệt kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa; chuyển kết quả đã phê duyệt cho Ủy ban nhân dân xã, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường để công khai bản đồ ranh giới diện tích đất trồng lúa tại địa phương, trụ sở làm việc theo quy định. *Thời gian hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.*

### **5. Ủy ban nhân dân các xã có diện tích đất trồng lúa**

- Tổ chức thu thập thông tin, tài liệu quy định tại Điều 5, Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Thời gian hoàn thành đến ngày 30 tháng 11 năm 2014.*

- Thực hiện xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa quy định tại Điều 6, Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Thời gian hoàn thành đến ngày 25 tháng 12 năm 2014.*

- Thực hiện công khai kết quả xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 17/2014/TT-BTNMT ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. *Thời gian hoàn thành đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.*

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ xác định ranh giới, diện tích đất trồng lúa tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh, kiến nghị về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5671/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về thực hiện việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, gia hạn, cấp lại  
Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi  
điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ và thông tin trên mạng;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-BTTTT ngày 3 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố TTHC mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 25/TTr-STTTT ngày 30 tháng 10 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì việc cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi, gia hạn, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5695/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam” tại các Trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Nghị định 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";

Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 2984/BGDĐT-GDTrH ngày 10 tháng 6 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thí điểm thực hiện Đề án “đổi mới dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh theo chuẩn tiên tiến”;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1984/TTr-GDĐT-VP ngày 17 tháng 6 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay Phê duyệt Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, chuẩn đội ngũ giáo viên phù hợp để triển khai chương trình trên cơ sở đồng thuận, tự nguyện của Phụ huynh học sinh trước khi triển khai chương trình này tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở ngành Thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **ĐỀ ÁN**

**“Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp  
chương trình Anh và Việt Nam” tại các trường công lập  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5695/QĐ-UBND*

*ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ ĐỊNH HƯỚNG**

### **1. Cơ sở pháp lý:**

- Luật Giáo dục Việt Nam và chương trình Giáo dục phổ thông quy định về chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” và chủ trương dạy và học một số môn học bằng tiếng nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **2. Định hướng:**

- Đảm bảo mục tiêu và chuẩn của chương trình giáo dục Việt Nam và kết hợp với mục tiêu của chương trình giáo dục Quốc gia Anh cho các bộ môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh.

- Dạy và học theo phương pháp tích hợp không gây xáo trộn cho việc học tập của học sinh, không làm thay đổi cơ cấu, số lượng giáo viên, không đòi hỏi phải tăng cường nhiều về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

- Đảm bảo tính ổn định, tính thống nhất, kế thừa giữa các cấp học, không gây quá tải cho học sinh.

## **II. THỰC TRẠNG DẠY VÀ HỌC CÁC MÔN TIẾNG ANH, TOÁN, KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

### **1. Khái quát chung**

Hiện nay, các chương trình giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh tập trung vào việc dạy và học Tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Các chương trình này có ưu điểm giúp học sinh làm quen và rèn luyện nâng cao khả năng tiếng Anh với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Với yêu cầu đổi mới giáo dục căn bản và toàn diện, việc dạy và học các môn toán, khoa học tự nhiên bằng Tiếng Anh sẽ giúp học sinh rèn luyện khả năng tư duy bằng ngôn ngữ khác, giúp các em dễ dàng tiếp cận gần hơn với các tri thức và thành tựu khoa học toàn cầu đối với các bộ môn cơ bản như: Toán, Lý, Hóa, Sinh.

## **2. Thực trạng dạy và học các môn Tiếng Anh, Toán, Khoa học bằng Tiếng Anh tại thành phố Hồ Chí Minh:**

Chương trình Quốc tế Cambridge (CIE) được triển khai thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 bao gồm 3 môn: Tiếng Anh, Toán và Khoa học. Chương trình được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh cho học sinh với giáo trình theo chuẩn của CIE đại học Cambridge. Các tiết học Cambridge được bố trí đan xen với các tiết học theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh vừa được học tập trong môi trường ngôn ngữ Quốc tế để nâng cao các kỹ năng tiếng Anh, vừa được tìm hiểu các kiến thức toán và khoa học bằng tiếng Anh, từ đó giúp các em hòa nhập, tiếp cận và nâng cao khả năng truy cập kiến thức thông qua tiếng Anh.

Qua 4 năm thực hiện, học sinh thành phố Hồ Chí Minh đã thích ứng rất nhanh với việc học các bộ môn theo chuẩn Quốc tế bằng tiếng Anh. Kết quả thi theo chuẩn Cambridge cho thấy phần lớn các em học sinh tham gia chương trình đạt kết quả tốt, nhiều em đạt điểm tuyệt đối, chứng tỏ việc học toán, khoa học bằng tiếng Anh cũng như học tiếng Anh với chuẩn ngôn ngữ cao là phù hợp với khả năng của học sinh.

Tuy nhiên cũng xuất hiện một số bất cập, như sau:

- Việc học song song cùng lúc 2 chương trình phần nào gây quá tải cho học sinh.
- Đầu ra ở lớp 12 của học sinh theo đánh giá của CIE chỉ phù hợp với học sinh muốn tiếp tục theo học tại Đại học Cambridge hoặc các Đại học chấp nhận chuẩn CIE.
- Các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất để các trường có thể tham gia chương trình của CIE là hết sức khó khăn nên khó mở rộng chương trình.
- Một số kỹ năng mềm không phù hợp với thể trạng, văn hóa, tâm sinh lý... học sinh Việt Nam.

## **III. MỤC TIÊU**

1. Thực hiện chủ trương dạy và học bằng ngoại ngữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhằm nâng cao chất lượng học ngoại ngữ theo yêu cầu của Đề án ngoại ngữ Quốc gia 2020.

2. Tăng cường hỗ trợ việc dạy và học các môn Khoa học do học sinh có thể tư duy bằng ngôn ngữ khác và có thể tìm kiếm các tài liệu tham khảo khoa học bằng tiếng nước ngoài.

3. Tiếp cận chương trình tiên tiến của Quốc tế, và chuẩn đánh giá giáo dục đối với các bộ môn cơ bản của chương trình Quốc gia Anh, cũng như các nền giáo dục tiên tiến khác trên thế giới.

4. Học sinh đạt được các mục tiêu học tập của cả 2 hệ thống cho ba môn học chính là Toán, Khoa học và tiếng Anh. Các phần trùng lặp được cân nhắc giảm tải.

5. Học sinh thu được tổng hòa các kiến thức sâu hơn so với nếu như học đơn lẻ một chương trình, qua đó góp phần đáp ứng nguyện vọng của học sinh mong muốn được học trong môi trường song ngữ.

6. Các học phần trùng lặp không bị dạy lặp đi lặp lại, giúp học sinh và giáo viên giảm tải, giúp quá trình học và tiếp thu kiến thức cũng như biến kiến thức thành khả năng thực hành diễn ra nhanh hơn, hiệu quả hơn.

7. Đặc biệt, đảm bảo học sinh tham gia học tích hợp 2 chương trình sẽ có đủ kiến thức và kỹ năng để tham gia các kiểm tra trắc nghiệm cuối cấp mà Bộ Giáo dục Anh và các Hội đồng Khảo thí Quốc tế được phép tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Việt Nam. Do chương trình Quốc gia Anh có khoảng 80% nội dung được các Hội đồng khảo thí sử dụng, nên đầu ra của học sinh là đa dạng, học sinh có thể lựa chọn Hội đồng khảo thí phù hợp để tham dự kiểm tra, đảm bảo tiếp tục học ở tất cả các trường Đại học ở các nước.

8. Tăng cường số lượng các trường có thể tham gia chương trình.

9. Cụ thể về mục đích tích hợp từng môn Đối với bộ môn tiếng Anh: Học sinh học tiếng Anh có thể sử dụng tiếng Anh trong những ngữ cảnh cuộc sống khác nhau, với những mục đích khác nhau. Kiến thức, hiểu biết và kỹ năng thực hành tiếng Anh trong chương trình tích hợp phải được học sinh thu nạp chắc chắn thông qua các phần của nói, nghe, đọc, viết. Văn học cũng là một phần không thể thiếu của những chương trình tích hợp. Đáp ứng yêu cầu đầu ra về chuẩn tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cũng như của Bộ Giáo dục Anh cho môn Tiếng Anh là mục đích quan trọng nhất của Đề án.

**Đối với bộ môn Toán:** Các học phần tích hợp giữa chương trình Quốc gia Anh và chương trình Quốc gia Việt Nam đạt được mục đích kết nối kiến thức và kỹ năng, giúp học sinh quan sát, trình bày, nghiên cứu và so sánh các khái niệm, công thức toán học, và tìm ra mối liên hệ xã hội và vật lý của các khái niệm toán học đó.

**Đối với bộ môn Khoa học:** Học sinh được tìm hiểu kiến thức cũng như thực hành trong quá trình tìm tòi, nghiên cứu. Sau khi học, học sinh nắm được quy trình và kỹ năng yêu cầu trong quá trình tiếp cận kiến thức bộ môn khoa học ở cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tăng khả năng tiếp cận, hiểu vấn đề và giải quyết vấn đề.

#### **IV. PHƯƠNG PHÁP VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Một số nguyên tắc áp dụng khi tích hợp chương trình giữa 2 hệ thống giáo dục Anh và Việt Nam**

- Tích hợp chương trình được hoạch định một cách có hệ thống, với các mối liên hệ, tương đồng giữa các lĩnh vực, chủ đề được phân tích và liệt kê một cách rõ ràng.

- Các chủ đề, khái niệm học thuật được chọn cho tích hợp phải được dựa trên cơ sở của việc các lĩnh vực đó có đảm bảo đầy nhanh và vững quá trình tiếp thu hiểu biết, nhận thức của học sinh, không chỉ là trên cơ sở những lĩnh vực học phần đó có xuyên suốt 2 chương trình đang tích hợp hay không.

- Các học phần, khái niệm trùng lặp của 2 hệ thống được nghiên cứu kỹ để tìm ra các mối liên hệ gốc căn bản (authetic connections). Từ đó các kỹ năng cụ thể và hiểu biết cần thu được được phát triển xoay quanh các chủ đề học tập chính, theo các nguyên tắc tích hợp đã trình bày ở một số phần nêu trên.

- Việc tích hợp không chỉ được bó gọn ở các chương trình học thuật. Khi học sinh tham gia các chủ đề, hình thức học tập trong chương trình tích hợp các em sẽ thu được những năng lực, kết quả học tập và hiểu biết xác định là quan trọng nhất đối với từng chương trình riêng rẽ, cũng như những kiến thức và kỹ năng chung mà thông qua việc tích hợp, chương trình đưa lại cho các em.

##### **2. Tài liệu tích hợp**

###### **a) Mục tiêu:**

Phần đề xuất tích hợp được đưa ra với mục đích tạo ra một chương trình tích hợp mà khi thực hiện, có tính quốc tế và phù hợp với chương trình của Việt Nam.

###### **b) Về số năm học và các giai đoạn học, như sau:**

Giai đoạn học Việt Nam	Giai đoạn học Quốc gia Anh
TIỂU HỌC Lớp 1- 5	KEY STAGE 1, 2 1 - 6
TRUNG HỌC CƠ SỞ Lớp 6 - 9	KEY STAGE 3 7 - 9
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Lớp 10 - 12	KEY STAGE 4 - GCSE (và sau này sẽ thêm A level)

c) Các chứng chỉ:

Học sinh các cấp có thể có được các đầu ra linh hoạt phù hợp với mọi nhu cầu như:

- Chứng nhận hoàn thành chương trình Quốc gia Anh quốc cho tiểu học (Key Stage 1, 2) hoặc trung học cơ sở (Key Stage 3) hoặc trung học phổ thông (GCSE - Key Stage 4).

- Chứng chỉ các cấp của các Hội đồng khảo thí Quốc tế khác nhau như CIE, ETS, Exdexcell...

- Các chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn được Sở Giáo dục và Đào tạo chấp thuận (TOEFL, CAMBRIDGE English...).

### 3. So sánh môn Tiếng Anh, Toán, Khoa học ở hai chương trình:

a) Cấp Tiểu học:

Đối với chương trình Tiểu học, cả 3 môn Tiếng Anh, Toán và Khoa học sẽ được dạy ngay từ năm lớp 1 để đảm bảo việc dạy và học chương trình tích hợp được thực hiện đúng và đầy đủ lộ trình, đồng thời giúp học sinh làm quen với phương pháp học tập, tư duy bằng Tiếng Anh với cả 3 môn Tiếng Anh, Toán và Khoa học ngay từ năm học đầu tiên. Các nội dung Toán và Khoa học ở Tiểu học không mang tính hàn lâm mà chỉ chú trọng giới thiệu các khái niệm cơ bản.

**- Môn tiếng Anh:**

Chương trình tiếng Anh hiện tại của cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bắt đầu từ lớp 3.

Mục tiêu học tập của 2 hệ thống có nhiều điểm tương đồng, đều tập trung dạy cho học sinh 4 kỹ năng chính (nói, nghe, đọc, viết). Chương trình Quốc gia Anh ngoài 4 kỹ năng trên, còn chú trọng đến việc luyện cho học sinh cách sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống (language usage). Đồng thời việc kết hợp (integrate) bốn kỹ

năng cũng là trọng tâm của chương trình Quốc gia Anh. Không khó để tích hợp 2 học phần tiếng Anh này một cách hài hòa về thời lượng.

Chương trình tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam dựa trên các mục tiêu học tập và chủ đề học tập nhằm xây dựng các kỹ năng nói, nghe, đọc, viết cho học sinh ở 3 cấp, theo các mức độ khác nhau. Chương trình tiếng Anh Tiểu học, Trung học cơ sở, GCSE của Bộ giáo dục Anh sâu hơn và hướng tới chuẩn cao hơn.

### ***Môn Toán:***

Chương trình toán tiểu học của cả hai hệ thống Việt Nam và Quốc gia Anh đều có rất nhiều mục tiêu học tập trùng lặp. Chỉ có một số rất ít các chủ đề không được đề cập tới trong chương trình toán tiểu học của chương trình Quốc gia Anh, và những chủ đề đó lại được đề cập ở phần toán trung học cơ sở của chương trình Quốc gia Việt Nam.

### ***Môn Khoa học:***

Môn khoa học của chương trình Quốc gia Anh được giảng dạy theo 4 nhóm chủ đề chính, đó là: Tìm hiểu nghiên cứu khoa học, Lý, Hóa, Sinh. Khung chương trình khoa học cấp tiểu học của chương trình Quốc gia Anh cung cấp một nền tảng vững chắc cho việc học khoa học ở các giai đoạn sau của quá trình học phổ thông.

Môn khoa học của chương trình Việt Nam và chương trình Quốc gia Anh cũng gồm rất nhiều chủ đề trùng nhau. Ngoài ra, chương trình Quốc gia Anh có thêm những học phần sau mà chương trình Việt Nam không bao gồm: lực và chuyển động, điện học và từ học, tiến hóa và di truyền.

Mục đích của môn Khoa học cho học sinh Tiểu học là để giới thiệu cho các em các khái niệm cơ bản nhất về Lý, Hóa, Sinh để các em bước đầu hình thành sự quan tâm đối với việc quan sát và đặt câu hỏi về thế giới xung quanh. Giới thiệu các yếu tố cơ bản, giúp các em hiểu, đưa vào thực hành để chuẩn bị cho việc học Khoa học ở cấp trung học cơ sở quan trọng hơn là tập trung vào chi tiết, vì nhiều chi tiết quá có thể làm học sinh bị rối và từ đó sẽ mất hứng thú đối với bộ môn này ở lứa tuổi Tiểu học.

b) Cấp Trung học cơ sở:

### ***Môn tiếng Anh:***

Mục đích giảng dạy tiếng Anh cấp trung học cơ sở của chương trình Quốc gia Anh là tạo ra một chuẩn mực sử dụng tiếng Anh và văn học cao nhất, bao gồm cả các yêu cầu về thực hành ngôn ngữ nói cũng như viết luận. Ngoài ra, việc xây dựng cho học sinh một niềm đam mê đọc sách và văn học cũng là một trọng tâm được nhấn



manh. Sau khi học xong Key Stage 3, học sinh được chờ đợi sẽ nắm vững, biết cách sử dụng các kỹ năng, chu trình, chủ đề... được đề cập trong từng giai đoạn học tập của cấp học này. Việc bám sát yêu cầu này, kết hợp với các chủ đề theo khung của chương trình tiếng Anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sẽ giúp học sinh vừa thi đạt chuẩn Chương trình Quốc gia Anh và của các Hội đồng thi Quốc tế uy tín (nếu được cho phép bởi các cơ quan có thẩm quyền để giới thiệu chuẩn khảo thí tại Việt Nam), vừa có thể thi tốt các kỳ thi tiếng Anh đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

### ***Môn Toán:***

Hai chương trình toán gồm rất nhiều chủ đề trùng nhau. Cũng có một vài chủ đề nằm trong chương trình Việt Nam không được đề cập đến trong chương trình Quốc gia Anh, hoặc không được đề cập đến trong tài liệu hướng dẫn nội dung chương trình của Việt Nam.

Nhìn chung môn Toán chương trình của Quốc gia Anh Key stage 3 tập trung nhiều vào việc đạt được mục tiêu học tập gắn với luyện kỹ năng. Trong khi tại khung chương trình toán cùng cấp của Việt Nam, các chủ đề được đưa ra ở mức chi tiết hơn nhằm hình thành kỹ năng.

### ***Môn Vật lý:***

Hai chương trình tương đồng phần lớn đối với bộ môn Vật lý cấp trung học cơ sở. Một số chủ đề không có trong chương trình khoa học của chương trình Quốc gia Anh và một số chủ đề được giảng dạy ở chương trình Quốc gia Anh cũng không được đề cập tới ở phần nội dung chương trình theo hướng dẫn của Việt Nam. Một số phần có trong bộ môn vật lý của Việt Nam được cấu trúc trong học phần Hóa học của chương trình Quốc gia Anh.

### ***Môn Hóa học:***

Môn hóa học chỉ bắt đầu được dạy vào lớp 8 của hệ thống giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên mức độ kiến thức và chủ đề học thuật rất sâu và nhiều. Đây là một bộ môn mà hai chương trình có ít chủ đề trùng lặp nhất. Theo ý kiến của tổ chuyên gia, chương trình học của Việt Nam cho giai đoạn này là quá nặng, và tập trung nhiều vào lý thuyết hơn thực hành. Chương trình Quốc gia Anh có ít chủ đề lý thuyết hơn, nhưng lại tập trung sâu vào kỹ năng thực hành. Việc kết hợp để đảm bảo giảng dạy lý thuyết và tăng cường thực hành cho học sinh sẽ là trọng tâm.

### ***Môn Sinh học:***

Chương trình sinh học của Việt Nam được tổ chức theo chủ đề học cho từng năm. Ví dụ: năm lớp 6 học sinh tập trung vào học về cây cối và các chủ đề có liên

quan. Lớp 7 được tập trung học các chủ đề về động vật và cách phân loại động vật dựa trên các đặc điểm sinh học của con vật. Lớp 8 tập trung vào nghiên cứu cơ thể con người và lớp 9 học về gene.

Cách tổ chức chương trình theo hệ thống Việt Nam không bao gồm các phần ôn tập trước khi chuyển sang các mục tiêu học tiếp theo.

Chương trình của Quốc gia Anh bao gồm các học phần sinh học được giảng dạy trong 3 năm trung học cơ sở và trước khi một học phần kết thúc, luôn có phần ôn tập để học sinh ôn lại kiến thức những học phần cũ cũng như chuẩn bị cho những học phần mới.

c) Cấp Trung học phổ thông:

#### ***Môn tiếng Anh:***

Mục đích giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông của chương trình Quốc gia Anh là tạo ra một chuẩn mực sử dụng tiếng Anh và văn học cao nhất, bao gồm cả các yêu cầu về thực hành ngôn ngữ nói cũng như viết luận. Ngoài ra, việc xây dựng cho học sinh một niềm đam mê đọc sách và văn học cũng là một trọng tâm được nhấn mạnh. Sau khi học xong Key Stage 4 - GCSE, học sinh được chờ đợi sẽ nắm vững, biết cách sử dụng các kỹ năng, chu trình, chủ đề... được đề cập trong từng giai đoạn học tập của cấp học này. Việc bám sát yêu cầu này, kết hợp với các chủ đề theo khung của chương trình tiếng Anh do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định sẽ giúp học sinh vừa thi đạt chuẩn Chương trình Quốc gia Anh và của các Hội đồng thi Quốc tế uy tín (nếu được cho phép bởi các cơ quan có thẩm quyền để giới thiệu chuẩn khảo thí tại Việt Nam), vừa có thể thi tốt các kỳ thi tiếng Anh đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***Môn Toán:***

Đối với lớp 10, hai chương trình có rất nhiều điểm tương đồng. Tuy nhiên, chương trình của Việt Nam đi chi tiết hơn ở một số chủ đề. So với chương trình toán lớp 11 và 12 của Việt Nam, có rất nhiều chủ đề không được đề cập đến ở môn toán của chương trình Quốc gia Anh, các chủ đề này được đề cập đến ở phần AS-A level - chương trình tú tài Toán hai năm của chương trình Quốc gia Anh.

Thêm vào đó, một số chủ đề có trong chương trình Quốc gia Anh cũng không có trong chương trình Việt Nam, hoặc có nhưng không đề cập ở mức độ sâu bằng (Phép biến hình, giản đồ hình cây trong xác suất, làm tròn số, ước lượng, giới hạn, các phép toán ngược với tỉ số phần trăm, quy đổi tiền tệ, các phép tính thời gian, độ dốc, quỹ tích, tỉ lệ, góc phương vị, lợi nhuận, thua lỗ, đồ thị tán xạ, dựng hình, động học, hàm nghịch, ma trận). Chương trình của Việt Nam chú trọng nhiều đến những bài luyện

tính toán và luyện trí nhớ và ít chú trọng hơn đối với việc giải quyết vấn đề thông qua toán học.

Như vậy chương trình trung học phổ thông Quốc gia Anh tập trung nhiều vào mục đích giúp học sinh có kỹ năng thực hành và giải quyết các vấn đề hiện thực của cuộc sống thông qua toán học và mục tiêu này chưa được thể hiện rõ ràng trong hệ thống Việt Nam. Mục tiêu kỹ năng của chương trình chương trình Quốc gia Anh cho cấp học trung học phổ thông bao gồm:

- Phát triển kiến thức toán học;
- Xây dựng sự tự tin của học sinh đối với giải toán số, định hình vấn đề toán học và mối tương quan giữa các vấn đề đó;
- Khả năng suy nghĩ và tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của cuộc sống và trình bày, diễn giải kết quả của các giải pháp;
- Biết dùng các lý thuyết và diễn giải toán học để giải quyết các vấn đề;
- Áp dụng kiến thức toán học vào cuộc sống hàng ngày và tìm hiểu cũng như xác định những kiến thức toán học nào đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người hàng ngày;
- Biết diễn giải các hiểu biết toán học một cách dễ hiểu, mạch lạc;
- Biết ứng dụng kiến thức toán học vào các lĩnh vực khoa học kỹ thuật;
- Biết cách vận dụng sáng tạo các kiến thức và sáng kiến toán học làm lợi cho cuộc sống;
- Phát triển sớm kỹ năng nghiên cứu khoa học Tạo nên tiền đề vững chắc cho việc học toán ở các cấp độ cao hơn.

### ***Môn Vật lý:***

Hai chương trình không tương đồng nhiều. Một số chủ đề không có trong chương trình Quốc gia Anh và được đề cập rất chi tiết ở chương trình Việt Nam. Chương trình của Việt Nam ở cấp trung học phổ thông chi tiết hơn, có nhiều yếu tố toán học trong đó hơn. Chương trình môn Vật lý của Việt Nam rất phù hợp cho học sinh muốn theo học ngành kỹ sư ở bậc đại học, nhưng so với trình độ yêu cầu chung cho bậc học trung học phổ thông thì chương trình hơi nặng.

### ***Môn Hóa học:***

Hai chương trình tương đồng ở rất nhiều chủ đề. Một số chủ đề được giảng dạy trong chương trình Hóa trung học phổ thông Việt Nam không có trong chương trình Quốc gia Anh. Một số học phần Hóa trung học phổ thông của Việt Nam phù hợp với

việc học chuyên sâu môn Hóa cho học sinh đại học chuyên ngành hơn là ở cấp trung học phổ thông.

### ***Môn Sinh học:***

Hai chương trình rất tương đồng nhau. Đối với môn Sinh học lớp 12 của hệ thống Việt Nam, mức độ chi tiết nhiều hơn ở chương trình Quốc gia Anh.

Những học phần đó thường được giảng dạy ở cấp đại học để tránh quá tải cho học sinh ở cấp trung học phổ thông. Việc này không ảnh hưởng gì đến kết quả cuối cùng của học sinh so với mục tiêu học tập đề ra.

Về phần thực hành Khoa học, khung chương trình của Quốc gia Anh nêu rõ các mục tiêu học tập cần đạt được, đồng thời cho phép sự linh hoạt trong khi dạy và học các kỹ năng cần thiết. Khung chương trình Quốc gia Việt Nam dạy và học các kỹ năng thông qua các bài thực hành được lên lịch cố định. Các nội dung thực hành khám phá khoa học của chương trình Quốc gia Anh chú trọng việc hướng dẫn mở chủ đề nghiên cứu để học sinh tiếp tục quan tâm đến lĩnh vực khoa học đó.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sách giáo khoa**

Sử dụng bộ sách giáo khoa theo chương trình quốc gia Việt Nam và các sách giáo khoa theo chương trình quốc gia Anh Quốc. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, phê duyệt giáo trình cụ thể từng môn học.

### **2. Thời lượng cho từng môn học**

#### ***Phương án 1: 6 tiết/tuần.***

- Phân bố theo khung chương trình các môn Toán, Tiếng Anh, Khoa học của chương trình Quốc gia Anh

- Dạy xen kẽ với chương trình Quốc gia Việt Nam

#### ***Phương án 2: 8 tiết/tuần.***

- Phân bố theo khung chương trình các môn Toán, Tiếng Anh, Khoa học của chương trình Quốc gia Anh

- Dạy xen kẽ với chương trình Quốc gia Việt Nam

### **3. Đội ngũ giáo viên**

Trong giai đoạn đầu, sử dụng giáo viên nước ngoài đang tham gia giảng dạy chương trình CIE.

Sau đó tăng cường giáo viên Việt Nam tham gia giảng dạy với lộ trình, như sau:

a) Tổ chức đào tạo nghiệp vụ sư phạm giảng dạy bằng tiếng Anh cho giáo viên Việt Nam ngay từ năm học 2014 - 2015, sau đó mỗi lớp học sẽ có thể bố trí hai giáo viên giảng dạy: một giáo viên người nước ngoài và một giáo viên người Việt Nam.

b) Sau một hoặc hai học kỳ thực hiện, khi phù hợp, số giáo viên nước ngoài sẽ dần được thay thế bởi giáo viên người Việt Nam.

Dự kiến ngay từ đầu học kỳ II, năm học 2014-2015 công tác tập huấn giáo viên sẽ được bắt đầu.

#### **4. Phương thức đánh giá**

a) Công tác đánh giá kết quả kiểm tra:

Tiêu chuẩn đánh giá kết quả: theo quy định của Việt Nam hiện tại và theo chuẩn của Anh Quốc.

b) Hình thức đánh giá kết quả:

Học sinh được đánh giá theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đối với chuẩn các môn học theo cấp học tương ứng. Đối với ba môn Toán, Tiếng Anh, Khoa học (Các môn Lý, Hóa, Sinh gọi chung là môn khoa học) của chương trình Quốc gia Anh cho cấp tiểu học (từ lớp 1 đến hết lớp 5 tại Việt Nam), cấp trung học cơ sở (từ lớp 6 đến hết lớp 9 tại Việt Nam) và cấp trung học phổ thông (từ lớp 10 đến hết lớp 12 tại Việt Nam) học sinh tham gia chương trình Anh quốc sẽ làm bài kiểm tra Key Stage 1 vào mốc năm lớp 3 và bài kiểm tra cuối cấp theo chuẩn của Bộ Giáo dục Anh, Key Stage 2, Key Stage 3 và Key Stage 4 khi kết thúc cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Đề thi do cơ quan khảo thí trực thuộc Bộ Giáo dục Anh (STA) cung cấp thống nhất cho tất cả các trường trong và ngoài lãnh thổ Anh.

Các đề thi và kiểm tra đều do Tổ chức khảo thí Quốc gia Anh quốc, trực thuộc Bộ Giáo dục Anh cung cấp cho các trường thông qua đăng ký với Bộ Giáo dục Anh.

Kết quả kiểm tra do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh và đơn vị thực hiện đồng chứng nhận.

Đối với cấp độ cuối cùng của chương trình Quốc gia Anh là bằng Tú tài Anh quốc, học sinh có thể kiểm tra lấy chứng nhận của các hội đồng khảo thí độc lập như CIE, Edexcel...

Như vậy, học sinh cùng một lúc sẽ được đánh giá theo hai chuẩn: chuẩn Việt Nam và chuẩn của Anh.

Đề xuất có các biện pháp động viên khuyến khích học sinh học tốt cả hai chương trình thông qua các hình thức như:

+ Công nhận kết quả kiểm tra Key stage 2, Key stage 3, Key stage 4 (dành cho ba cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) trong hệ thống báo kết quả của Việt Nam.

+ Phân luồng để học sinh có thể theo học chương trình ở tất cả các cấp học nhằm đảm bảo tính tiếp nối xuyên suốt.

+ Khuyến khích cộng điểm khi học sinh thi chuyển cấp đối với các học sinh đạt điểm kiểm tra xuất sắc (theo chuẩn đánh giá Anh Quốc).

+ Tạo điều kiện để các học sinh giỏi của chương trình Anh Quốc tham gia các kỳ thi học sinh giỏi cấp Quốc gia và Quốc tế.

Ngoài ra, các học sinh của chương trình các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Quốc tế sẽ được bồi dưỡng thêm chương trình kỹ năng sống, cũng như được bồi dưỡng để đáp ứng chuẩn đầu ra của môn Tiếng Anh (tăng cường, tự chọn,...) theo chuẩn TOEFL hoặc CAMBRIDGE ESOL hoặc các chuẩn khác mà Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh chọn áp dụng tại các trường.

## **5. Chi phí học tập**

Thực hiện theo nguyên tắc thu đủ bù chi, dựa trên thỏa thuận với phụ huynh học sinh.

Trong giai đoạn sử dụng 100% giáo viên nước ngoài (học phí thu như chương trình CIE hiện nay), cụ thể như sau:

+ Phương án 1: Học phí: 3,1 - 3,2 triệu đồng/tháng cho thời lượng 6 tiết/tuần với 100% giáo viên nước ngoài.

+ Phương án 2: Học phí 4,0 triệu/tháng cho thời lượng 8 tiết/tuần với 100% giáo viên nước ngoài.

+ Phương án 3: Học phí 2,2 triệu/tháng cho thời lượng 6 tiết/tuần với 50% giáo viên nước ngoài và 50% giáo viên người Việt Nam (lộ trình sẽ được thực hiện sau khi tập huấn cho các giáo viên Việt Nam).

+ Phương án 4: Học phí 3,2 triệu/tháng cho thời lượng 8 tiết/tuần với 50% giáo viên nước ngoài và 50% giáo viên người Việt Nam (lộ trình sẽ được thực hiện sau khi tập huấn cho các giáo viên Việt Nam).

## **6. Điều kiện tổ chức lớp học**

a) Điều kiện:

- Chỉ thực hiện tại những trường học đã đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh trong chỉ tiêu được giao.

- Phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ thực hành thí nghiệm cho các lớp học tham gia chương trình theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Phương thức dạy học:

Đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở, những nội dung trùng lặp ở các bộ môn Toán, Khoa học trong chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam sẽ được giảm; học sinh sẽ học các học phần kiến thức này bằng tiếng Anh theo chương trình quốc gia Anh. Sẽ có sự phối hợp của các giáo viên dạy chương trình quốc gia Anh và giáo viên giảng dạy bộ môn tại các trường để kiểm tra kiến thức tiếng Việt, để đảm bảo học sinh vẫn nắm được kiến thức của những học phần đã được lược bớt.

Đối với cấp trung học phổ thông, nội dung chương trình quốc gia Việt Nam sẽ được coi là trọng tâm, với các nội dung trùng lặp của chương trình quốc gia Anh sẽ được lược bớt nhằm tránh quá tải cho học sinh đang học ở cấp này. Học sinh tham gia chương trình quốc gia Anh ở cấp này cần có khả năng ngoại ngữ tốt để học chương trình tích hợp. Đồng thời học sinh học chương trình tích hợp sẽ được bồi dưỡng để kiểm tra theo các chuẩn ngoại ngữ như IELTS, TOEFL...

c) Tổ chức lớp học:

Các học sinh tham gia chương trình được sắp vào cùng một lớp học, sĩ số học sinh không quá 30 học sinh/lớp.

## 7. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh phối hợp các cơ quan và các tổ chức có liên quan tổ chức thẩm định, triển khai thực hiện Đề án.

- Giao Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ và các điều kiện có liên quan, phê duyệt danh sách các trường đăng ký thực hiện Đề án.

- Quá trình tổ chức triển khai, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, báo cáo kịp thời những vướng mắc phát sinh cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5715/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ vào làm việc tại 4 đơn vị:  
Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp Công nghệ cao,  
Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán và  
Trung tâm Công nghệ Sinh học**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ vào Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 102/2013/NĐ-CP ngày 5 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;



Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về tiền lương;

Căn cứ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ vào Kết luận số 179-KL/TU ngày 24 tháng 02 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1155/TTr-SKHHCN ngày 8 tháng 7 năm 2014 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 978/TTr-SNV ngày 30 tháng 10 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ vào làm việc tại 4 đơn vị: Khu Công nghệ cao, Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán và Trung tâm Công nghệ Sinh học.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Sinh học, Viện trưởng Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Thực hiện thí điểm một số chính sách thu hút chuyên gia  
khoa học và công nghệ vào làm việc tại 4 đơn vị: Khu Công nghệ cao,  
Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Viện Khoa học - Công nghệ  
Tính toán và Trung tâm Công nghệ Sinh học  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5715/QĐ-UBND  
ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)**

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về chính sách đối với các chuyên gia khoa học và công nghệ trong nước, chuyên gia khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là chuyên gia khoa học và công nghệ) tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại 4 đơn vị: Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Công nghệ Sinh học thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị sự nghiệp công lập trong Khu Công nghệ cao và Khu Nông nghiệp Công nghệ cao.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Chuyên gia khoa học và công nghệ* là những nhà khoa học tham gia vào các hoạt động khoa học và công nghệ. Chuyên gia khoa học và công nghệ có trình độ tiến sỹ và chuyên ngành đào tạo phù hợp với hoạt động khoa học và công nghệ của từng đơn vị (được xác định tại Điều 1 Quy chế này), có công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trên thế giới (các tạp chí do Viện Thông tin Khoa học quốc tế ISI xếp hạng), sáng chế được công nhận, có công trình nghiên cứu được ứng dụng trong sản xuất công nghiệp công nghệ cao, trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và các ngành, lĩnh vực công nghệ cao khác.

Các trường hợp trình độ chưa là tiến sỹ (cử nhân, kỹ sư, thạc sỹ) thì phải có công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ xuất sắc đã được nghiệm thu, hoặc sáng chế được công nhận đem lại hiệu quả cao, hoặc có chuyên môn sâu; có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo, ươm tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất, thiết kế chế tạo sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao.

2. *Hoạt động khoa học và công nghệ* là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ (theo Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013).

3. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

4. *Công nghệ cao* là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có (theo Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008).

5. *Người Việt Nam ở nước ngoài* là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống ở nước ngoài.

### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân là chuyên gia khoa học và công nghệ trong nước và chuyên gia khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại Quy chế này.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng**

1. Chuyên gia khoa học và công nghệ được hưởng chính sách ưu đãi nêu tại Quy chế này phải đảm bảo trình độ và chuyên ngành đào tạo được quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Quy chế này và đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có kinh nghiệm làm việc ít nhất 5 năm ở vị trí nghiên cứu khoa học tại các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực tham gia hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc đã được nghiệm thu, sáng chế được công nhận hoặc được giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực tham gia hoạt động khoa học và công nghệ.

c) Đã và đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ tại các trường đại học, cơ sở nghiên cứu có uy tín ở trong nước và quốc tế; Đồng thời chủ trì hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đề án, công trình trọng điểm, công trình nghiên cứu cấp quốc gia, cấp Nhà nước được nghiệm thu và đưa vào áp dụng có hiệu quả.

2. Ngoài tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này, chuyên gia khoa học và công nghệ được hưởng chính sách ưu đãi nêu tại Quy chế này phải bảo đảm đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có sức khỏe phù hợp để thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng lao động.

b) Không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước cư trú của người Việt Nam ở nước ngoài.

c) Không bị ràng buộc về công việc, pháp lý đối với một tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

## **Điều 5. Các chính sách ưu đãi**

### **1. Về tuyển dụng, lao động**

Việc tuyển chọn chuyên gia khoa học và công nghệ theo nguyên tắc cạnh tranh, lựa chọn chuyên gia khoa học và công nghệ phù hợp nhất cho việc thực hiện các đề tài, đề án nghiên cứu, ứng dụng dự kiến sẽ hoàn thành.

Chuyên gia khoa học và công nghệ được ký hợp đồng lao động theo thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nội dung hợp đồng giữa chuyên gia khoa học và công nghệ với đơn vị sử dụng thể hiện rõ các nhiệm vụ, mức lương, thời gian

hoàn thành, trách nhiệm mỗi bên, các quy định hợp đồng theo đúng pháp luật hiện hành.

Chuyên gia khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam được tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp giấy phép lao động (được giới thiệu đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố xem xét cấp giấy phép lao động).

## 2. Về lương, phụ cấp và chế độ đãi ngộ

a) Chuyên gia khoa học và công nghệ tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại 4 đơn vị nêu tại Điều 1 được hưởng ưu đãi về lương, phụ cấp, đi lại; được hưởng thu nhập theo thỏa thuận trực tiếp giữa thủ trưởng đơn vị với các chuyên gia. Việc tăng thêm thu nhập hoặc phụ cấp sẽ được thỏa thuận lại khi ký kết hợp đồng lao động cho kỳ tiếp theo, nhưng không quá 150 triệu đồng/tháng.

b) Cơ quan chủ trì đề án, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là chủ trì đề án) và chuyên gia khoa học và công nghệ là chủ nhiệm đề án được hưởng phân chia lợi nhuận trên sản phẩm nghiên cứu được chuyển giao vào sản xuất - kinh doanh hoặc thương mại hóa theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ.

c) Chuyên gia khoa học và công nghệ được hỗ trợ kinh phí tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và ngoài nước có nội dung, chủ đề phù hợp với chuyên môn và nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao, mức hỗ trợ cụ thể theo quy định hiện hành.

## 3. Điều kiện, môi trường làm việc

a) Chuyên gia khoa học và công nghệ được đảm bảo các điều kiện thuận lợi về phòng làm việc, trang thiết bị và vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm, hệ thống thông tin và các điều kiện cần thiết khác phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chuyên gia khoa học và công nghệ giữ chức vụ lãnh đạo hoặc phụ trách nhóm nghiên cứu khoa học được chủ động lựa chọn, đào tạo nhóm làm việc phù hợp chuyên môn trong lĩnh vực phụ trách và quản lý trên cơ sở khoa học, minh bạch và chuẩn mực quốc tế.

c) Chuyên gia khoa học và công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu và công nghệ được chuyển giao theo quy định của pháp luật;

được hỗ trợ kinh phí đăng ký bằng phát minh sáng chế, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với pháp luật Việt Nam và quốc tế.

d) Chuyên gia khoa học và công nghệ được hỗ trợ kinh phí tham gia ươm tạo công nghệ tại các cơ sở ươm tạo công nghệ cho các kết quả nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ có khả năng thương mại hoá theo quy định của nhà nước.

#### 4. Về xuất nhập cảnh và cư trú

Chuyên gia khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài được tạo điều kiện thuận lợi trong việc đi lại, thị thực xuất nhập cảnh, đăng ký cư trú (được giới thiệu đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh xem xét cấp thị thực Việt Nam dài hạn và có giá trị xuất, nhập cảnh nhiều lần; được trình báo tạm trú như công dân trong nước hoặc cấp thẻ tạm trú,...) cho bản thân hoặc thành viên gia đình.

#### 5. Về ngoại hối, thuế và phí

a) Chuyên gia khoa học và công nghệ tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

b) Chuyên gia khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài được mang ngoại tệ vào Việt Nam, được chuyển đổi ra ngoại tệ và mang ra khỏi Việt Nam các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam hoặc các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

#### 6. Về nhà ở và hỗ trợ ổn định cuộc sống

Chuyên gia khoa học và công nghệ được bố trí nhà ở công vụ (đối với đơn vị có nhà ở công vụ) hoặc tạo điều kiện thuận lợi để mua nhà, ổn định chỗ ở; được hỗ trợ giới thiệu việc làm cho vợ (chồng) tại các đơn vị thuộc thành phố nếu có nhu cầu và chuyên môn phù hợp; được tạo điều kiện học tập cho các con.

#### 7. Chính sách ưu đãi khác

a) Đối với các chuyên gia khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài được tạm nhập miễn thuế một ô tô cá nhân (sử dụng cho mục đích đi lại) và các trang thiết bị, đồ dùng tiện ích trong nhà phục vụ cho công việc và sinh hoạt, được nhập khẩu miễn thuế các tài sản theo danh mục hàng hóa, hành lý tư trang với mục đích sử dụng cho cá nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

b) Chuyên gia khoa học và công nghệ được khen thưởng và vinh danh xứng đáng với những kết quả, cống hiến cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Thành phố.

**Điều 6. Quy trình và thủ tục****1. Xác định nhu cầu và kế hoạch thu hút**

Hàng năm căn cứ yêu cầu xây dựng và phát triển của đơn vị, các đơn vị xây dựng kế hoạch và nhu cầu thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ của đơn vị mình gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

**2. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch thu hút**

Sở Nội vụ thẩm định kế hoạch thu hút chuyên gia khoa học và công nghệ của các đơn vị, tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

**3. Tổ chức thu hút, tiếp nhận chuyên gia khoa học và công nghệ và thực hiện chế độ chính sách**

Căn cứ vào kế hoạch thu hút được phê duyệt, các đơn vị phối hợp với các sở ngành liên quan tiến hành tuyển dụng, quyết định tiếp nhận chuyên gia khoa học và công nghệ và thực hiện chế độ, chính sách thu hút theo kế hoạch được duyệt.

**4. Trong những trường hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, không có trong kế hoạch được duyệt hàng năm, thủ trưởng đơn vị trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.**

**Điều 7. Trách nhiệm của chuyên gia khoa học và công nghệ được hưởng chính sách thu hút**

Những chuyên gia đã được hưởng các chế độ, chính sách thu hút nếu vi phạm các điều khoản buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động hoặc tự ý nghỉ việc khi chưa hết thời hạn hợp đồng lao động mà không được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị sử dụng lao động thì phải bồi thường kinh phí theo hợp đồng lao động được ký kết. Thời hạn hoàn trả chậm nhất là 3 tháng kể từ ngày nghỉ việc. Các cơ quan, đơn vị có chuyên gia vi phạm hợp đồng có trách nhiệm thu hồi và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

**Điều 8. Đánh giá kết quả, hiệu quả làm việc của chuyên gia khoa học và công nghệ**

Đơn vị sử dụng chuyên gia khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý và đánh giá chuyên gia khoa học và công nghệ phù hợp với điều kiện đặc thù của đơn vị và quy định của pháp luật.

Định kỳ hàng năm, thủ trưởng đơn vị sử dụng chuyên gia khoa học và công

nghệ tổ chức đánh giá kết quả làm việc của chuyên gia theo hợp đồng lao động đã ký. Căn cứ kết quả đánh giá, thủ trưởng đơn vị đề xuất tiếp tục hoặc chấm dứt hoặc ký lại hợp đồng mới (trường hợp hết hạn hợp đồng lao động mà đơn vị có nhu cầu) và gửi báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong đánh giá hàng năm về kết quả công tác của chuyên gia khoa học và công nghệ có kèm đề xuất kiến nghị của chuyên gia khoa học và công nghệ và đề xuất khen thưởng của đơn vị (nếu có).

### **Chương III**

#### **KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Điều 9.** Kinh phí để thực hiện các nội dung ưu đãi do ngân sách Thành phố cấp, kinh phí do Ủy ban nhân dân Thành phố xét cấp dựa trên kế hoạch về nhu cầu thu hút, sử dụng chuyên gia theo từng lĩnh vực hàng năm của từng đơn vị.

### **Chương IV**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Trách nhiệm thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Trưởng Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao, Giám đốc Trung tâm Công nghệ Sinh học, Viện trưởng Viện Khoa học - Công nghệ Tính toán, thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**Điều 11.** Trong quá trình thực hiện chính sách ưu đãi của Thành phố đối với chuyên gia khoa học và công nghệ, nếu Trung ương ban hành chính sách ưu đãi có lợi hơn thì áp dụng thống nhất theo chính sách của Trung ương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Mạnh Hà**



**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3563/QĐ-UBND

*Quận 6, ngày 17 tháng 11 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bãi bỏ văn bản****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 về phân công công tác các Thành viên Ủy ban nhân dân quận 6;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Công văn số 477/TP ngày 12 tháng 11 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 02 (hai) văn bản của Ủy ban nhân dân quận 6 do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6, Thủ trưởng các ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thanh Thảo**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC CÔNG BỐ BÃI BỎ**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

*(Kèm theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND*

*ngày 17 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 6)*

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
<b>Quyết định của Ủy ban nhân dân quận 6</b>					
1	17/2008/QĐ-UBND	03/01/2008	Về ban hành quy định về quy trình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quận 6	17/11/2014	Không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành
2	10/2008/QĐ-UBND	21/7/2008	Về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-TW ngày 22/02/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình	17/11/2014	Không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng